

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----*&-----**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2022

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thịnh Quang Thắng

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Tuấn Anh

2/ Bà Ngô Thị Yên

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Cán bộ Toà án nhân dân Huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Thế – Kiểm sát viên

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 454/2021/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXX ngày 21/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ-ST ngày 07/01/2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 1989

2. **Bị đơn:** Anh Lê Mậu L, sinh năm 1989;

Đều có HKTT: Thôn T, xã K, huyện Đ, Hà Nội

Có mặt: Chị D

Vắng mặt: Anh L

NỘI D V VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2021 và các lời khai bổ sung, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Mậu L kết hôn ngày ngày 12 tháng 3 năm 2011 tại UBND xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số:

29/2011. Chị và anh Lê Mậu L thời gian đầu sau khi kết hôn chung sống hòa thuận, mặc dù trong cuộc sống vợ chồng cũng xảy ra những bất hòa nhưng hai bên vẫn cố gắng nhường nhịn nhau để gia đình được hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 01/2021 hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do hai vợ chồng khác biệt về cách sống và nuôi dạy con cái. Anh L không quan tâm gì đến gia đình. Vợ chồng bắt đầu ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Vân Nội ở từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, chị xin ly hôn anh L.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, chị và anh Lê Mậu L có 02 con là Lê Hoàng Y, sinh ngày 04/5/2012 và Lê Mậu Chí H, sinh ngày 03/10/2014. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y, còn anh L nuôi dưỡng cháu H. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Lê Mậu L nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến của mình về việc chị D xin ly hôn. Do đó, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.**

*** Tại phiên tòa:**

- Chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh L; về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Y và anh L nuôi dưỡng cháu Lê Mậu Chí H và không yêu cầu tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự. Về nội D: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D; Về con chung : Vợ chồng chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Lê Mậu L có 02 con là Lê Hoàng Y, sinh ngày 04/5/2012 và Lê Mậu Chí H, sinh ngày 03/10/2014. Ly hôn, do anh H không hợp tác không cung cấp ý kiến về việc chị D xin ly hôn, con chung và các vấn đề có liên quan nên không có căn cứ giao cho anh H nuôi dưỡng 1 con chung mà giao cả hai con chung cho chị D nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị D phải chịu án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Chị D có đăng ký kết hôn với anh L ngày 12/3/2011 tại UBND xã K, huyện Đ, Hà Nội. Chị D xin ly hôn anh L. Anh L có nơi cư trú tại Thôn T, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về tố tụng:** Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, anh L vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án. Anh L không hợp tác đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến của mình về việc chị D xin ly hôn, con chung và các vấn đề có liên quan. Do đó, việc anh L không cung cấp ý kiến của mình được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh L hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định của Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Về nội D:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị Mỹ D kết hôn với anh Lê Mậu L kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, Hà Nội là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị D kiên quyết xin ly hôn, còn anh L không hợp tác không đến Tòa án trình bày ý kiến và không có bất kỳ một biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Anh chị đã ly thân được một thời gian dài mà không ai quan tâm đến ai. Do vậy, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp..

[3.2] Về con chung: Vợ chồng anh L, chị D có 02 con chung Lê Hoàng Y, sinh ngày 04/5/2012 và Lê Mậu Chí H, sinh ngày 03/10/2014. Ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y, còn anh L nuôi dưỡng cháu H.

Xét, căn cứ vào thực tế, nguyện vọng của con chung và quan điểm của chị D. Hiện nay các con chung thực tế vẫn ăn ở với chị D, do chị D chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L không cung cấp các tài liệu về việc hiện anh làm gì và điều kiện nuôi con như thế nào. Do đó, không có căn cứ giao con cho anh L nuôi dưỡng như nguyện vọng của chị D mà giao cả hai con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết..

[3.3] Về tài sản, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết

[4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ chị D phải chịu để sung công quỹ nhà nước;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; - Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Mỹ D đối với anh Lê Mậu L. Chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn anh Lê Mậu L.

2. Về con chung: Vợ chồng anh L, chị D có 02 con chung Lê Hoàng Y, sinh ngày 04/5/2012 và Lê Mậu Chí H, sinh ngày 03/10/2014. Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết..

3. Về tài sản, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết

4. Về án phí LHST: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D phải chịu cả nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0045638 ngày 22/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị D đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai, sơ thẩm, chị D có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Anh L có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Đông Anh
- THA Đông Anh.
- TAND thành phố Hà Nội
- UBND xã K
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thịnh Quang Thắng